

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT NHẪM THỰC THI CÁC CAM KẾT GIA NHẬP WTO

NGÔ ĐỨC MẠNH*

Việt Nam đã được Đại hội đồng Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) làm lễ chính thức kết nạp làm thành viên thứ 150 của tổ chức này và ngày 29 tháng 11 năm 2006, tại kỳ họp thứ 10, với 90,24% số phiếu tán thành, Quốc hội nước ta đã nhất trí phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập WTO (Nghị quyết phê chuẩn) và ngày 11 tháng 1 năm 2007, nước ta đã là thành viên đầy đủ của WTO.

Quá trình đàm phán kéo dài liên tục hơn 11 năm với nhiều khó khăn, có lúc tưởng như không thể vượt qua được do sự đòi hỏi thái quá của các nước về mở cửa thị trường, sửa đổi, ban hành hàng loạt các quy định pháp luật đã lùi lại phía sau, nhường chỗ cho những việc cần làm trước mắt là thực thi đầy đủ các cam kết của Việt Nam gia nhập WTO. Từ đó, bài viết này tập trung nêu rõ những vấn đề pháp lý đặt ra trong việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta nhằm thực hiện các cam kết của Việt Nam trong WTO.

1. Bản chất của các cam kết xét từ góc độ pháp lý

Xem xét toàn bộ văn kiện gia nhập WTO, mà cụ thể là Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO cho thấy, nội dung của các cam kết là sâu rộng và toàn diện nhất của nước ta về chính sách, chế độ thương mại hiệu theo nghĩa rộng. Trong Báo cáo này có 528 đoạn trình bày về 6 loại vấn đề lớn về (i) chính sách kinh tế; (ii) khuôn khổ ban hành và thực thi chính sách; (iii) các chính sách ảnh hưởng đến thương mại hàng hoá; (iv) quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến

* TS. Văn phòng Quốc hội.

thương mại; (v) các chính sách ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ và (vi) minh bạch hoá, trong đó có 70 đoạn nêu rõ các cam kết cụ thể của Việt Nam.

Trước hết, cần phải hiểu WTO là "một hệ thống hoạt động dựa trên các luật lệ"; là tập hợp những quy tắc mà nòng cốt là các Hiệp định WTO được các nước thành viên đàm phán và ký kết. Những văn bản này gồm khoảng 60 hiệp định, phụ lục, quyết định và bản ghi nhớ tạo thành khuôn khổ pháp lý nền tảng của thương mại quốc tế được vận hành theo 5 nguyên tắc cơ bản: không phân biệt đối xử, theo đó, phải dành quy chế "đãi ngộ tối huệ quốc - MFN" và "đối xử quốc gia - NT" cho đối tác thương mại của mình; tự do hoá thương mại; bảo đảm tính dễ dự đoán, không áp dụng một cách tùy tiện các rào cản thương mại; cạnh tranh hơn - hạn chế những biện pháp thương mại không lành mạnh và dành ưu đãi cho các nước kém phát triển một thời hạn dài và linh động hơn⁽¹⁾.

Xét từ khía cạnh pháp lý trong các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam cho thấy, có 3 đặc điểm nổi bật như sau: thứ nhất, một số cam kết cần được triển khai thi hành trước thời điểm gia nhập; thứ hai, hàng loạt các cam kết có hiệu lực thi hành ngay kể từ thời điểm gia nhập và thứ ba, có những cam kết có giá trị thi hành sau thời gian gia nhập tùy thuộc vào kết quả thoả thuận về thời hạn mở cửa thị trường hoặc cắt giảm các biện pháp trợ cấp của nhà nước...

Đồng thời, việc gia nhập WTO được tiến hành theo nguyên tắc cả gói; tức là cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trong trường hợp này là Quốc hội, khi phê chuẩn phải chấp nhận hiệu lực pháp lý của cả gói kết quả đàm phán về điều kiện gia nhập được thể hiện tại Nghị định thư gia nhập mà không có điều khoản bảo lưu nào.

2. So sánh nội dung các cam kết với quy định của pháp luật Việt Nam

Về cơ bản, các quy định của pháp luật Việt Nam đã phù hợp với các cam kết của chúng ta nhờ việc đẩy mạnh hoạt động lập pháp của Quốc hội và sự nỗ lực của Chính phủ, bộ, ngành trong việc xây dựng pháp luật và ban hành văn bản pháp quy trong suốt cả thời gian vừa qua và hiện nay công việc này vẫn đang tiếp tục.

Cho đến nay, chưa có điều ước quốc tế nào trong lịch sử Việt Nam mà việc ký kết đặt ra việc phải sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong nước như điều ước về việc gia nhập WTO của Việt Nam⁽²⁾. Những nỗ lực rà soát, đối chiếu pháp luật trong nước với các yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế và đàm phán gia nhập WTO đã được tiến hành liên tục kể từ năm 2000, qua đó, chúng ta có được bức tranh toàn diện về nhu cầu sửa đổi pháp luật phục vụ gia nhập WTO. Các kết quả rà soát đã được sử dụng làm cơ sở để đề xuất xây dựng các chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội và Chính phủ, và dựa vào đó Việt Nam đã đưa ra các bản chào xây dựng pháp luật thực thi các hiệp định của WTO. Cho đến kỳ họp thứ 10 cuối năm 2006 vừa qua của Quốc hội, có thể khẳng định, nhờ đẩy mạnh công tác lập pháp của Quốc hội mà chúng ta đã thực hiện thành công mục tiêu gia nhập WTO. Tuy vậy, những cam kết mà Việt Nam chấp nhận trong văn kiện gia nhập WTO và tư cách thành viên đầy đủ của

WTO mang lại hệ quả là chúng ta cần tiếp tục có điều chỉnh pháp luật: sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành và ban hành những văn bản mới, trong đó có các văn bản ở tầm Quốc hội. Trong Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư ở phần Phụ lục liệt kê các quy định liên quan đến nội dung cam kết trong 6 đạo luật được áp dụng trực tiếp như Luật Điện ảnh về việc bãi bỏ hạn chế số lượng quota phim được nhập khẩu phim là trái với quy định của WTO về việc không được áp dụng các biện pháp phi thuế quan; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 được sửa đổi, bổ sung năm 2002 về công khai, minh bạch chính sách, pháp luật, trong đó có thời hạn đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cá nhân, tổ chức có góp ý kiến trên trang tin điện tử không ít hơn 60 ngày kể từ ngày đăng dự thảo; Luật Sở hữu trí tuệ về việc tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm, bản ghi âm...không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút cho chủ sở hữu quyền tác giả.

Đối chiếu với các cam kết trong Nghị định thư gia nhập thì yêu cầu đặt ra là phải bảo đảm sự tương thích, phù hợp giữa các quy định của pháp luật trong nước với các cam kết cụ thể của chúng ta có liên quan không chỉ đến 6 đạo luật như đã nêu ở trên. Cần nhìn nhận vấn đề rộng hơn ở chỗ, chúng ta phải tuân thủ rất nhiều các Nghị định của WTO tại thời điểm (khi) gia nhập WTO. Nếu xảy ra trường hợp ngược lại thì đó chính là sự không tuân thủ, vi phạm các cam kết khi gia nhập và kéo theo những hệ quả nhất định. Theo ý kiến của ông Hoàng Phước Hiệp, kết quả rà soát của Bộ Tư pháp cho thấy, cần sửa đổi các văn bản ở cấp trung ương là 44 (16 luật, 1 pháp lệnh, 18 nghị định, 1 quyết định của Thủ tướng, 8 văn bản cấp bộ); được kiến nghị ban hành là 42 (8 luật, 3 pháp lệnh, 14 nghị định, 17 văn bản ở cấp bộ)⁽³⁾.

3. Đề xuất giải pháp sửa đổi, hoàn thiện pháp luật bảo đảm thực hiện các cam kết

Điều cần chú ý là trong các văn kiện của WTO không có quy định nào đòi hỏi nước gia nhập WTO phải ban hành văn bản bằng hình thức luật để bảo đảm các quy định của luật trong nước phù hợp với các cam kết khi gia nhập. Tuy vậy, do những bất lợi của nước gia nhập sau khi các thành viên chủ chốt đã nhận ra sự linh hoạt này của quy định WTO bị nhiều nước lạm dụng, mà cụ thể nhất là trường hợp của Trung Quốc nên trong quá trình đàm phán, các đối tác đã đặt yêu cầu Việt Nam phải đưa ra cam kết cụ thể về cách thức thực hiện nghĩa vụ của mình, chẳng hạn như sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, có liên quan, thậm chí cung cấp cả dự thảo văn bản hay đăng văn bản pháp luật ở những địa chỉ nhất định, hoặc là cam kết về các cơ chế thực thi pháp luật...Điều này cũng có nghĩa WTO yêu cầu nước thành viên bảo đảm sự thống nhất pháp luật trong nước của mình với các nghĩa vụ thành viên, nhưng không quy định một phương thức thống nhất cho việc thực hiện yêu cầu này mà tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi nước.

Chính vì lẽ đó và theo tinh thần, lời văn của các cam kết đã đạt được nên ngày 6 tháng 11 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan cần hoàn tất các công việc trước thời điểm Việt Nam chính thức gia nhập WTO. Cụ thể là Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Bưu chính-Viễn thông sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mua sắm sản phẩm công nghệ thông tin bằng ngân sách nhà nước; Bộ Tài chính tiến hành sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về trị giá tính thuế hải quan; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm hoàn chỉnh dự thảo để trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh về kiểm dịch thực vật. Các văn bản này phải được chuẩn bị và ban hành trước ngày 1 tháng 1 năm 2007, tức là 30 ngày sau khi Quốc hội dự kiến sẽ phê chuẩn văn kiện gia nhập WTO.

Pháp luật Việt Nam liên quan đến việc thực hiện các cam kết của nước ta trong các điều ước quốc tế là điều khoản quy định về việc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập được quy định trong rất nhiều văn bản luật⁽⁴⁾ và Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (Luật Điều ước 2005).

Luật Điều ước 2005 đã dự tính các tình huống khi điều ước quốc tế có những quy định vượt ra ngoài khuôn khổ pháp luật hiện hành và cách thức xử lý. Ngoài việc thừa nhận tính ưu tiên trong việc áp dụng các quy định của điều ước quốc tế mà các đạo luật khác đã quy định tại khoản 1 của Điều 6; ở khoản 3 của Điều này của Luật Điều ước còn có bước phát triển mới thể hiện sự thay đổi trong nhận thức của chúng ta và làm rõ hơn mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế với pháp luật trong nước⁽⁵⁾. Bước phát triển mới thể hiện ở chỗ ngoài việc duy trì quy định về việc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập trong trường hợp có sự khác nhau giữa pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đó, Luật Điều ước định ra hai khả năng mới mà Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ có thể:

(i) Quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế khi các quy định đó “đã đủ rõ, chi tiết để thực hiện”;

(ii) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế (chuyển hoá vào pháp luật trong nước)⁽⁶⁾

Từ những điều đã phân tích ở trên cho thấy, việc Quốc hội nhất trí và thừa nhận hiệu lực thi hành ngay các cam kết gia nhập WTO là phù hợp với quy định của Luật Điều ước và xuất phát từ bản chất của các cam kết đó khi Việt Nam gia nhập WTO.

Mặt thuận lợi cơ bản của việc áp dụng trực tiếp các cam kết ở chỗ đây là thủ tục nhanh, gọn trong công tác lập pháp. Tuy vậy, toàn bộ gánh nặng và khó khăn lại rơi vào việc thi hành những quy định được áp dụng trực tiếp. Do đó, ngay cả khi Quốc hội quyết định cho áp dụng trực tiếp quy định nào đó của Nghị định thư gia nhập thì các cơ quan liên quan như Chính phủ và các Bộ,

ngành cũng cần chuẩn bị văn bản hướng dẫn thi hành ở mức độ cần thiết và phù hợp nhất.

Cần nhận thấy rằng, tuy thừa nhận hiệu lực áp dụng trực tiếp của các cam kết quốc tế, nhưng Luật Điều ước 2005 không (chưa) giải quyết được mối quan hệ của điều ước quốc tế với các văn bản quy phạm pháp luật trong nước, nhất là với luật do Quốc hội ban hành. Khi không xác định rõ ràng địa vị chính xác của điều ước quốc tế trong thứ bậc hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thì không những thiếu tính thống nhất về mặt thứ bậc pháp lý của hệ thống pháp luật quốc gia - điều kiện cần thiết để bảo đảm tính tối cao của văn bản do Quốc hội ban hành với điều ước quốc tế được áp dụng trực tiếp, mà còn tạo ra sự quan ngại khi không có những thiết chế cần thiết đi kèm để thực thi các nội dung của điều ước quốc tế có hiệu lực áp dụng trực tiếp, gây ra sự không chắc chắn, ổn định trong hệ thống các quy phạm pháp luật.

Trong khi chờ đợi để có sự giải thích rõ ràng hơn về địa vị pháp lý của điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật quốc gia⁽⁷⁾, cần áp dụng cả khả năng mà Luật Điều ước quốc tế đã tính đến là sửa đổi, bổ sung, ban hành mới luật để chuyển hoá các quy định của Nghị định thư gia nhập WTO vào pháp luật Việt Nam.

Những lý do chủ yếu của đề xuất này là do, *thứ nhất*, chúng ta cam kết tuân thủ các Hiệp định của WTO như Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (GATS), Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIP)...mà nội dung của các quy định này là chưa đủ cụ thể, chi tiết để các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp có thể nắm bắt được đầy đủ nội hàm của những cam kết đó⁽⁸⁾. Rất nhiều khái niệm pháp lý trong các Hiệp định này được trình bày theo tư duy và thực tiễn pháp lý của Hoa kỳ dựa theo hệ thống thông luật (common law) cần được giải mã để hiểu một cách đầy đủ. Ví dụ, khái niệm "thương mại"; khái niệm "hàng hoá" tức là tất cả những sản phẩm cụ thể nào được liệt kê, mã hoá và mô tả trong danh mục HS - Công ước của Tổ chức Hải quan thế giới về hệ thống hài hoà về mã số mô tả hàng hoá thì được gọi là hàng hoá chứ không chung chung và trừu tượng như định nghĩa trong Luật Thương mại hoặc Luật Hải quan hiện hành.

Khái niệm "dịch vụ", "thương mại dịch vụ" thì pháp luật VN chưa có định nghĩa theo cách hiểu chung của WTO, theo đó mọi hoạt động hoặc sản phẩm được liệt kê, được mã hoá và mô tả trong bảng phân loại dịch vụ theo mã số CPC của LHQ đã đề cập đến trong GATS/WTO thì được gọi là dịch vụ.

Tiếp theo là khái niệm "quyền kinh doanh xuất nhập khẩu gắn với phân phối của tổ chức, cá nhân không có hiện diện thương mại tại Việt Nam" cũng là vấn đề mới cần nghiên cứu. Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp có quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu và phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy vậy, từ trước đến nay, trong pháp luật nước ta chưa có quy định về quyền kinh doanh xuất nhập khẩu gắn với phân phối của tổ chức, cá nhân

không có hiện diện thương mại tại Việt Nam. Việc áp dụng quy định này có thể gây không ít khó khăn, phức tạp.

Khái niệm "các quy định có nội dung kinh tế" trong WTO, trong khi đó, Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ của chúng ta chưa định rõ các quyền sở hữu trí tuệ có gắn với nội dung kinh tế, mà chỉ nói là "quyền tài sản" và "quyền nhân thân".

Đồng thời, cần nhận thấy rằng, ngôn ngữ trong văn kiện gia nhập của Việt Nam là tiếng Anh nên rất khó khăn về mặt kỹ thuật và pháp lý để hiểu về nội hàm của khái niệm được áp dụng trực tiếp trong pháp luật Việt Nam. Chính vì vậy, việc quy định lại các cam kết đó trong văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam sẽ làm dễ hiểu hơn rất nhiều vì rằng, nội dung của các cam kết và quy định trong các Hiệp định của WTO sẽ được thể hiện lại bằng ngôn ngữ pháp lý Việt Nam.

Thứ hai, để bảo đảm thi hành các cam kết khác, chúng ta còn cần sửa đổi, bổ sung các văn bản luật liên quan đến những văn bản khác theo lộ trình mà chúng ta đã cam kết. Trong số những văn bản này có Bộ luật Hình sự (liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ), Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Nghị quyết của UBTVQH về Biểu khung thuế suất thuế xuất khẩu, biểu khung thuế suất thuế nhập khẩu...

Mặt thuận lợi của việc chuyển hoá các cam kết gia nhập WTO vào pháp luật Việt Nam là đem lại sự rõ ràng, minh bạch cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan tới việc thi hành các cam kết ấy. Đồng thời, điều này cũng chứng tỏ sự minh bạch trong việc thực thi các cam kết của Việt Nam cho các đối tác WTO.

Hơn thế nữa, việc nội luật hoá cũng tạo ra khả năng kiểm soát, giám sát của Quốc hội - cơ quan lập pháp duy nhất ở nước ta đối với việc thi hành các cam kết quốc tế, bảo đảm sự thống nhất giữa công tác xây dựng pháp luật trong nước với điều ước quốc tế - một yêu cầu đối với tất cả các nước thành viên WTO.

Là thành viên của WTO không chỉ đòi hỏi chúng ta phải tuân thủ các cam kết của mình. Điều quan trọng hơn cả, như nhiều người nhận xét, chính là khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp có được nhờ năng lực quản trị quốc gia được cải thiện, khả năng cạnh tranh quốc gia được nâng cao thông qua việc thực hiện những cải cách sâu rộng đang diễn ra như cải cách kinh tế, cải cách hành chính, cải cách tư pháp và trong bối cảnh nước ta tham gia ngày càng sâu, rộng hơn vào tiến trình toàn cầu hoá. Điều này đòi hỏi phải có những giải pháp lập pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm tính liêm chính, trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch của các cơ quan công quyền, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp... Do đó, theo suy nghĩ của chúng tôi, cần đẩy mạnh việc sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành và ban hành những văn bản mới tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết thành công những vấn đề đã nêu.

Về phương diện kỹ thuật lập pháp, điều cần tính đến là việc áp dụng kỹ thuật "một luật sửa nhiều luật" sẽ là giải pháp đẩy nhanh nội luật hoá các cam kết của

chúng ta và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Cách làm thông thường như hiện nay là thành lập Ban soạn thảo luật để tiến hành xây dựng để ban hành riêng lẻ từng luật thì chắc chắn rằng, quá trình này sẽ kéo dài, có quá nhiều thủ tục kéo theo sự chậm trễ trong việc thi hành các cam kết gia nhập WTO⁽⁹⁾. Áp dụng kỹ thuật "một luật sửa nhiều luật" là áp dụng phương pháp tiếp cận cho phép "quét" tất cả những vấn đề cần điều chỉnh pháp luật ở tầm Quốc hội cần thiết cho việc thực thi cam kết gia nhập WTO trong một văn bản luật. Các văn bản dưới luật, Chính phủ và các Bộ ngành sẽ điều chỉnh riêng trong thẩm quyền của mình và phải nhất quán với các quy định của luật do Quốc hội ban hành.

Tuy kỹ thuật một luật sửa nhiều luật chưa được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhưng không có điều khoản nào của đạo luật này ngăn cản khả năng này và trên thực tế, Quốc hội đã ban hành một văn bản để sửa đổi đồng thời cả Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thuế giá trị gia tăng.

Khó khăn của việc nội luật hoá là phải tiến hành một khối lượng công việc xây dựng pháp luật lớn và có những đổi mới căn bản trong quy trình xây dựng pháp luật của chúng ta. Để việc chuyển hoá có hiệu quả, cần tiến hành những việc cụ thể như sau:

(i) Cần chuẩn bị rà soát các nội dung của các cam kết một cách khẩn trương, ngay từ bây giờ để tiến hành việc chuyển hoá để đáp ứng yêu cầu thời hạn thực hiện các cam kết. Các bộ, ngành cần chuẩn bị để trong thời gian sớm nhất, Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, ban hành các văn bản liên quan đến các nội dung chưa được quy định hoặc chưa tương thích với các cam kết.

(ii) Sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng kỹ thuật "một luật sửa nhiều luật". Trên cơ sở đó, kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan soạn thảo theo hướng chuyên nghiệp hoá; đổi mới "công nghệ" làm luật của chúng ta theo hướng "thiết kế trước, thi công sau", có nghĩa là làm rõ về mặt chính sách pháp luật, các yêu cầu về nội dung, phạm vi điều chỉnh của dự án luật trước khi bắt tay vào soạn thảo cụ thể các điều khoản, tránh tình trạng "vừa thiết kế vừa thi công" hoặc "đeo cày giữa đường" trong việc chuẩn bị các văn bản của chúng ta.

Việc dùng một đạo luật điều chỉnh các vấn đề thuộc nội dung cam kết là hoàn toàn phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hơn nữa, văn bản do cơ quan lập pháp duy nhất ban hành tạo trong tư duy của người dân và cách nhìn nhận của quốc tế có sức thuyết phục hơn.

Tóm lại, gia nhập WTO đặt ra những vấn đề cấp thiết cho việc sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Thành công của việc sửa đổi các quy định pháp luật hiện hành sao cho tương thích với các cam kết thể hiện tinh thần chỉ đạo là Việt Nam tuân thủ thực hiện đầy đủ các cam kết khi gia nhập WTO. Đồng thời, cần phải có những giải pháp đồng bộ để khắc phục những yếu kém và tồn tại trong hệ thống pháp luật nhằm không những bảo đảm tính đồng bộ,

tương thích của hệ thống pháp luật chúng ta với các nội dung cam kết mà còn tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển bền vững của đất nước(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2007.

1. Tìm hiểu *Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*, Hà Nội 2006, tr. 22, tr. 51.
2. Chỉ tính năm 2005, 2/3 trong tổng số 29 văn bản luật Quốc hội ban hành là liên quan trực tiếp và/hay phục vụ yêu cầu đàm phán gia nhập WTO.
3. *Chuyển hoá WTO vào pháp luật quốc gia*, Thời báo Kinh tế Sài gòn, số 49-2006 ngày 30-11-2006, tr.12.
4. Xem: *Bộ luật Hàng hải Việt Nam*, Điều 2; *Luật Thủy sản*, Điều 1; *Luật Đầu thầu*, Điều 3.
5. Cần chú ý rằng, trong *Luật Ban hành văn bản* quy phạm pháp luật ban hành năm 1996 (*Luật Ban hành văn bản*) và tiếp đó, được sửa đổi, bổ sung năm 2001 thì chúng ta chỉ mới "tính đến điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập trong việc soạn thảo dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết". Xem *Luật Ban hành văn bản*, Điều 27, khoản 7.
6. Xem: Điều 6.3 *Luật Điều ước* 2005
7. Xem thêm: Ngô Đức Mạnh - *Về mối quan hệ giữa điều ước quốc tế với pháp luật quốc gia*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 12-2004, tr. 25-31.
8. Xem: Ngô Đức Mạnh - *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chuyển hoá điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia*, tr. 130-143 trong sách Giới thiệu Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế do Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội biên soạn. NXB Lao động, Hà Nội - 2005.
9. Xem: Ngô Đức Mạnh - *Kỹ thuật lập pháp: Một luật sửa nhiều luật*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 5-2005, tr. 40-48.

Tài liệu tham khảo

1. USAID- Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế- *Các văn kiện gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam*, Hà Nội, 2006, 1074 tr.
2. USAID- Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế - *Tìm hiểu Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*, Hà Nội, 2006, 250 tr.
3. Bộ Ngoại giao- Vụ hợp tác kinh tế đa phương - *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa: vấn đề và giải pháp*
4. <http://www.wto.org>
5. <http://www.wto.ru>
6. <http://www.nhungtrangvang.com.vn/WTO/WTO>